

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN D
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 28-9-2020

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN D, TỈNH TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Huỳnh Châu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Hữu Thiện;
2. Bà Bùi Thị Hải Đường.

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Lâm Phụng Tú, Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 398/2020/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2020 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 84/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị D, sinh năm: 1996; địa chỉ cư trú: Tổ 18, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Lê Minh C, sinh năm: 1986; địa chỉ cư trú: Tổ 18, ấp N, xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 03-7-2020 và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Nguyễn Thị D trình bày:

Về hôn nhân: Chị với anh C tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Trước khi kết hôn với anh C chị đã có một người con riêng, nhưng anh C chấp nhận và hứa sẽ chăm sóc chị, coi trọng con riêng của chị giống như con ruột. Tuy nhiên anh C không thực hiện như lời hứa mà tỏ ra không coi trọng chị, không yêu thương, chăm sóc chị và con riêng của chị; thường xuyên uống rượu say xỉn về

chửi mắng, xúc phạm chị bằng lời lẽ thô tục, đánh chị nhiều lần gây thương tích. Ngày 02-7-2020 anh C đánh chị bị chấn thương vùng mắt nên chị bỏ nhà đi ở trọ từ ngày 02-7-2020 đến nay, vợ chồng sống ly thân, vợ chồng không gặp nhau để bàn về việc đoàn tụ gia đình. Hôn nhân không hạnh phúc nên chị yêu cầu ly hôn với anh C.

Về con chung: Vợ chồng có 01 người con chung là Lê Thị Thủy T, sinh ngày 30-12-2017, đang sống với anh C và bà nội. Trước đây do chị chưa có chỗ ở và nghề nghiệp ổn định nên yêu cầu Tòa án giao con chung cho anh C tiếp tục nuôi dưỡng, chị có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con; nay chị thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu được nuôi con chung do hiện chị đã có nơi ở và nghề nghiệp ổn định, con còn nhỏ hơn nữa là con gái nên chị nuôi dưỡng sẽ đảm bảo cho con phát triển tốt hơn; chị không yêu cầu anh C cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

Bị đơn anh Lê Minh C trình bày tại biên bản lấy lời khai ngày 15-7-2020:

Anh thừa nhận thời gian chung sống, kết hôn như chị D trình bày là đúng. Anh làm thợ hồ nên thường uống rượu, khi về nhà không kìm chế được bản thân nên đánh chị D nhiều lần, anh nhận lỗi và chị D cũng tha thứ cho anh nhiều lần. Ngày 02-7-2020 anh có rượu trong người, về vợ chồng cãi vã chuyện tiền bạc nên anh đánh chị D bị chấn thương vùng mắt, chị D bỏ nhà đi ở trọ với người cô từ ngày 02-7-2020, anh biết chỗ chị D ở nhưng sợ chị D còn giận nên không đến tìm chị D. Anh thừa nhận hành vi đánh vợ nhiều lần là sai, nhưng anh còn thương chị D nên anh không đồng ý ly hôn, anh hứa sẽ sửa đổi tính tình, mong chị D cho anh một cơ hội nữa.

Vợ chồng có 01 người con chung là Lê Thị Thủy T, sinh ngày 30-12-2017, đang sống với anh và bà nội. Nếu Tòa án cho ly hôn anh yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Vợ chồng không có tài sản chung, nợ chung.

- Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D, tỉnh Tây Ninh:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự. Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình; chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, anh C vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt theo quy định của pháp luật.

+ Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng:

Chị Nguyễn Thị D khởi kiện yêu cầu ly hôn, tranh chấp về nuôi con đối với anh Lê Minh C cư trú tại Huyện D nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Huyện D theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Chị D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; anh C tuy vắng mặt nhưng Tòa án đã tiến hành đúng và đầy đủ thủ tục để bảo đảm cho việc xét xử vắng mặt, là đúng theo quy định tại Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Chị D và anh C kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào năm 2017, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, Huyện D, tỉnh Tây Ninh. Vì vậy, hôn nhân giữa chị D và anh C là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

Xét thấy, trong thời gian dài chung sống giữa chị D và anh C xảy ra nhiều mâu thuẫn; nguyên nhân do anh C thường xuyên uống rượu, về nhà chửi mắng xúc phạm danh dự của chị D, anh C có hành vi bạo lực gia đình đánh đập chị D nhiều lần; quá trình giải quyết vụ án anh C cũng thừa nhận hành vi đánh vợ nhiều lần, mong chị D tha thứ và cho anh một cơ hội nữa, anh không đồng ý ly hôn với chị D. Tuy nhiên Tòa án triệu tập tham gia phiên hòa giải nhiều lần, anh C không đến, không thể hiện được thiện chí xin cơ hội để sửa sai, tha thiết mong được đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị D là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung:

Chị D và anh C có 01 người con chung là Lê Thị Thủy T, sinh ngày 30-12-2017, hiện đang sống với anh C và bà nội.

Xét thấy con Lê Thị Thủy T dưới 36 tháng tuổi, chị D đủ điều kiện để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con; hơn nữa cháu Tiên là con gái, giao cho mẹ trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo cho con phát triển tốt hơn, ổn định tâm lý và sinh hoạt. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị D, giao cháu Tiên cho chị D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là có căn cứ theo quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; chị D không yêu cầu cấp dưỡng nên ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Chị D, anh C khai không có nên không đặt ra giải quyết.

[5] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Huyện D đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; đương sự phải chịu tiền án phí theo quy định của pháp luật. Hội đồng xét xử xét đề nghị này phù hợp nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Chị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 56, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 227, 228, 266, 267 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Nguyễn Thị D đối với anh Lê Minh C

2. Về con chung:

Giao con chung Lê Thị Thủy T, sinh ngày 30-12-2017 cho chị Nguyễn Thị D được quyền trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; ghi nhận chị D không yêu cầu cấp dưỡng.

Anh C không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung sau khi ly hôn mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị D phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng là tiền tạm ứng án phí mà chị D đã nộp theo biên lai thu số 0004844 ngày 13-7-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Huyện D, tỉnh Tây Ninh; chị D đã nộp đủ án phí.

5. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, các đương sự có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND tỉnh Tây Ninh;
- Viện kiểm sát nhân dân Huyện D;
- Chi cục THADS Huyện D;
- Ủy ban nhân dân xã B;
- Đường sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Huỳnh Châu